CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1713/TB-THADS.KV10

Đồng Nai, ngày 07 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO
Thông báo về việc bán đấu giá tài sản (Lần 6) theo thủ tục rút gọn

Căn cứ Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh);

Căn cứ Bản án số 508/2023/HS-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 03/QĐ-SCBSBA ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyết định thi hành án chủ động số 02/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);

Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 03/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);

Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 04/QĐ-CTHADS ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);

Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 545/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);

Căn cứ quyết định thi hành án theo yêu cầu số 991/QĐ-CTHADS ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Trưởng chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 48/QĐ-CCTHADS ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai);

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 009/2025/072512 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai;

Căn cứ thông báo đấu giá tài sản số 116-05/2026/TB-MĐ *ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Công ty Đấu giá Hợp danh Miền Đông;*

Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai thông báo về việc tổ chức bán đấu giá tài sản theo thủ tục rút gọn như sau:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá tài sản:

Công ty Đấu giá hợp danh Miền Đông.

Địa chỉ Trụ sở: 39/68 Đồng Khởi, khu phố 2, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai

b) Tên tài sản hoặc danh mục tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

Tài sản đấu giá:

Tài sản thứ nhất:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2975, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m^2 *(có 17,2m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 115,3m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157515; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12557. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

Tài sản thứ hai:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2974, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m^2 *(có 17,3m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 115,3m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157266; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12556. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

Tài sản thứ ba:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3027, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 227,7m^2 *(có 20,2m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 127,7m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157567;

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12551. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

Tài sản thứ tư:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2973, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m^2 *(có 17,3m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 115,3m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157267; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12555. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Phạm Thanh Sơn, cấp ngày 22/12/2020.

Tài sản thứ năm:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 3008, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 208,9m^2 ; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 108,9m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157502; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12570. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Nguyễn Dương Thỏa, cấp ngày 22/12/2020 *(Diện tích giảm 19.6m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường nhựa theo BĐĐC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).*

Tài sản thứ sáu:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2978, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,1m^2 *(có 16,9m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 115,1m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157248; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12480. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

Tài sản thứ bảy:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2939, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 190,7m^2 *(có 15.8m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 90,7m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157255; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12498. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 *(Diện tích giảm 0.8m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐĐC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).*

Tài sản thứ tám:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2979, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,5m^2 *(có 16,9m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 115,5m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157247; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12481. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

Tài sản thứ chín:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2943, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 191,4m^2 *(có 16,2m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 91,4m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157251; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12502. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

Tài sản thứ mười:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2970, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 156,9m^2; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 93.0m^2, đất trồng cây lâu năm 63,9m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157239; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12468. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 *(Diện tích giảm 25.3m^2 "trong đó có 7.0m^2 ODT"so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐĐC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).*

Tài sản thứ mười một:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2966, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 156,9m^2; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 97.5m^2, đất trồng cây lâu năm 59.4m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157243; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12472. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 *(Diện tích giảm 20.4m^2 "trong đó có 2.5m^2 ODT" so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐĐC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).*

Tài sản thứ mười hai:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2969, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 157,1m^2; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 94.5m^2, đất trồng cây lâu năm 62.6m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157240; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12469. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 *(Diện tích giảm 23.9m^2 "trong đó có 5.5m^2 ODT" so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐĐC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).*

Tài sản thứ mười ba:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2980, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 215,3m^2 *(có 16,8m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 115,3m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157246; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12482. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

Tài sản thứ mười bốn:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2968, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 156,8m^2; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 95.3m^2, đất trồng cây lâu năm 61.5m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157241; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12470. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020 *(Diện tích giảm 22.9m^2 "trong đó có 4.7m^2 ODT" so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; Đường đất chuyển thành đường bê tông theo BĐĐC được Sở TN&MT ký ngày 08/10/2024).*

Tài sản thứ mười lăm:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2946, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 191,3m^2 *(có 16,1m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 91,3m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 12/10/2050; Số sổ phát hành: CY 157524; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12524. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 21/12/2020.

Tài sản thứ mười sáu:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2994, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích:

233,3m^2 *(có 13m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 133,3m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157559; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12488. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

Tài sản thứ mười bảy:

Quyền sử dụng đất của thửa đất số 2995, tờ bản đồ số 6; Địa chỉ thửa đất: Khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Phước; Diện tích: 233,5m^2 *(có 13m^2 nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ)*; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m^2, đất trồng cây lâu năm 133,5m^2; Thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 17/01/2048; Số sổ phát hành: CY 157410; Số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 12478. Đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) cấp cho ông Hồ Đình Châu, cấp ngày 18/12/2020.

a) Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá.

- Thời gian xem tài sản:

Từ 07 giờ 00 phút ngày 14/4/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 16/4/2026 *(Trong giờ hành chính).*

Địa điểm xem tài sản: Nơi tài sản tọa lạc: Ấp 7, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 7, phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai).

b) Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá.

-Thời gian:

Từ 07 giờ 00 phút ngày 09/4/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 22/4/2026 *(trong giờ hành chính)*

-Địa điểm: tại Trụ sở Công ty Đấu giá hợp danh Miền Đông, địa chỉ: 39/68 Đồng Khởi, khu phố 2, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai. Liên hệ SĐT 0251.626.5508 để được hướng dẫn.

đ) Giá khởi điểm của tài sản đấu giá.

- **Tài sản thứ 1*:* 425.794.031 đồng** *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, không trăm ba mươi mốt đồng)* Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 2: 425.703.321 đồng** *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm linh ba nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng).* Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 3: 445.568.871 đồng** (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi mốt đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 4: 425.703.321 đồng** *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm linh ba nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 5: 429.785.283 đồng** *(Bốn trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 6: 425.703.321 đồng** *(Bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm linh ba nghìn, ba trăm hai mươi mốt đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 7: 382.434.519 đồng** *(Ba trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm mười chín đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 8: 426.429.003 đồng** *(Bốn trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, không trăm linh ba đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 9: 383.341.465 đồng** *(Ba trăm tám mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 10: 366.048.616 đồng** (*Ba trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười sáu đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 11: 368.334.514 đồng** *(Ba trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm mười bốn đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 12: 367.216.964 đồng** *(Ba trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn, chín trăm sáu mươi bốn đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 13: 426.156.872 đồng** *(Bốn trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi hai đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 14: 367.013.773 đồng** *(Ba trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm mười ba nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 15: 383.250.913 đồng** *(Ba trăm tám mươi ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn, chín trăm mười ba đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 16: 577.468.868 đồng** *(Năm trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm sáu mươi tám đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- **Tài sản thứ 17: 577.933.304 đồng** *(Năm trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm linh bốn đồng)*. Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Tổng giá trị của 17 tài sản là: 7.203.886.957 đồng (Bảy tỷ, hai trăm linh ba triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng). Giá này chưa bao gồm/hoặc đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

***Ghi chú:** Giá khởi điểm trên chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có) lệ phí trước bạ, phí công chứng, các khoản thuế, phí, lệ phí khác liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (nếu có) do người trúng đấu giá chi trả.

Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước.

- Tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá: **200.000đ/hồ sơ**.

***Tiền đặt trước:**

- **Tài sản thứ 1: 85.158.806 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, một trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm lẻ sáu đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 2: 85.140.664 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 3: 89.113.774 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi chín triệu, một trăm mười ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 4: 85.140.664 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 5: 85.957.057 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, chín trăn năm mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi bảy đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 6: 85.140.664 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 7: 76.486.904 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn, chín trăm lẻ bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 8: 85.285.801 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm ngàn, tám trăm lẻ một đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 9: 76.668.293 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn, hai trăm chín mươi ba đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 10: 73.209.723 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, hai trăm lẻ chín ngàn, bảy trăm hai mươi ba đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 11: 73.666.903 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, chín trăm lẻ ba đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 12: 73.443.393 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi ba đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 13: 85.231.374 đồng** (*Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi mốt ngàn, ba trăm bảy mươi bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.
- **Tài sản thứ 14: 73.402.755 đồng** (*Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm năm mươi lăm đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 15: 76.650.183 đồng** (*Bằng chữ: bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi ngàn, một trăm tám mươi ba đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 16: 115.493.774 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.

- **Tài sản thứ 17: 115.586.661 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi mốt đồng)* tương đương với 20% giá khởi điểm.

Tổng giá trị khoản tiền đặt trước của 17 tài sản: 1.440.777.392 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi hai đồng*) tương đương với 20% giá khởi điểm.

Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai. Thông tin cụ thể như sau:

+ **Người thụ hưởng:** Công ty đấu giá hợp danh Miền Đông

+ **Số tài khoản:** 19036549762013

+ **Mở tại:** Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Nai.

Thời hạn nộp tiền đặt trước:

Trong giờ hành chính Từ 07 giờ 00 phút ngày 09/04/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 22/04/2026.

g) Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá.

- Thời gian đăng ký:

Từ 07 giờ 00 phút ngày 09/4/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 22/4/2026.

-Địa điểm đăng ký:

Tại trụ sở công ty đấu giá: số 39/68 Đồng Khởi, khu phố 2, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai. Liên hệ SĐT 0251.626.5508 để được hướng dẫn.

- Điều kiện: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ đăng ký; tiền mua hồ sơ; tiền đặt trước theo quy định, trừ các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản 2016.

- Cách thức: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ đấu giá hợp lệ, nộp tiền đặt trước đúng thời gian quy định.

h) Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

-Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút ngày 24/4/2026 (các cuộc đấu giá được tổ chức lần lượt bắt đầu đấu giá từ tài sản thứ nhất đến khi kết thúc đấu giá tài sản thứ 17).

Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: tại Hội trường Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đồng Nai; Địa chỉ: Thôn 1, xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.

i) **Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.**

-Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại cuộc đấu giá

-Phương thức đấu giá: trả giá lên.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai;
- Kế toán nghiệp vụ;
- Trang thông tin điện tử của THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, HSTHA (CHV: Đặng Văn Hiếu).

CHẤP HÀNH VIÊN

Đặng Văn Hiếu